

# HIỆN TRẠNG NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN VÙNG BIỂN VEN BỜ QUẢNG NAM

## STATE OF FISHERIES IN THE COASTAL AREA OF QUANG NAM PROVINCE

**Nguyễn Thị Tường Vi**

*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng*

Email: vidanang222@yahoo.com

**Võ Quảng Lâm**

*Phòng kinh tế TP. Hội An – Quảng Nam*

Email: lamkhcnha@gmail.com

### TÓM TẮT

Vùng biển ven bờ Quảng Nam có hai vùng khai thác thủy sản chính là vùng cửa sông Thu Bồn và vùng biển Cù Lao Chàm. Vùng cửa sông Thu Bồn có hệ sinh thái đặc trưng là rừng ngập mặn với cây dừa nước là chủ yếu. Với hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, Cù Lao Chàm cũng có hệ động thực vật thủy sinh đa dạng, phong phú với nhiều loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế. Hiện nay các hoạt động khai thác thủy sản ven bờ với nhiều loại hình khai thác thủ công, một số nghề mang tính chất hủy diệt cũng tác động đến nguồn lợi thủy sản tại các vùng biển này. Bài báo này trình bày hiện trạng nghề khai thác thủy sản ở vùng biển Cù Lao Chàm và cửa sông Thu Bồn nhằm làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp quản lý hợp lý nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ Quảng Nam.

**Từ khóa:** khai thác thủy sản; vùng biển Quảng Nam; nguồn lợi; sông Thu Bồn; Cù Lao Chàm.

### ABSTRACT

There are two major fishery regions in Quang Nam. These are the Thu Bon river mouth and the surroundings of the Cu Lao Cham Island. The Thu Bon river mouth is characterized by nipa mangrove ecosystems; and Cu Lao Cham with the coral reef and sea grass ecosystems has the diverse aquatic fauna and flora with many economically important species. Small-scale fishery activities in these coastal areas have shown significant impacts on the ecosystems and natural fishery resources. This paper investigates the current status of small-scale fisheries in the Thu Bon river mouth and Cu Lao Cham Island and suggests suitable strategies for fishery management in Quang Nam Province.

**Key words:** fisheries; the coastal area of Quangnam; resources; Thu Bon river; Cu Lao Cham Island.

### 1. Lời nói đầu

Đánh bắt hải sản là nghề truyền thống của cư dân Cù Lao Chàm và hạ lưu sông Thu Bồn. Tuy nhiên, hiện nay công tác quản lý khai thác trên cả nước đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, trong đó có sự suy giảm nguồn lợi thủy sản. Do đó phân tích hiện trạng ngành nghề khai thác nguồn lợi thủy sản trong các hệ sinh thái ven bờ Quảng Nam để làm cơ sở đề xuất biện pháp quản lý hợp lý là nhu cầu cấp thiết của địa phương.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập và xử lý thông tin từ báo cáo, tài liệu, dự án có liên quan đến nghề khai thác thủy sản ở vùng cửa sông Thu Bồn và đảo Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp).

Trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá hiện trạng nghề khai thác thủy sản ở vùng cửa sông Thu

Bồn và đảo Cù Lao Chàm để làm cơ sở đề xuất các giải pháp khai thác hợp lý.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Hiện trạng khai thác thủy sản tại vùng biển Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn

##### 3.1.1. Hoạt động KTTS của ngư dân CLC

##### a) Sản lượng khai thác

Theo số liệu của Phòng Kinh tế Hội An, bình quân hằng năm, ngư dân xã Tân Hiệp đánh bắt được 900 tấn thủy sản, trong đó cá đạt 700 tấn, còn lại là các loại hải sản khác như tôm, mực, ốc, điệp, bào ngư... 10 tháng đầu năm 2014, sản lượng khai thác thủy sản của xã Tân Hiệp đạt 635 tấn, trong đó sản lượng có khả năng xuất khẩu là 495 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 25 tỷ đồng chiếm 90 % trong cơ cấu của ngành nông – lâm – ngư (Bảng 1).

**Bảng 1.** Sản lượng khai thác thủy sản xã Tân Hiệp từ 2010 - 2014

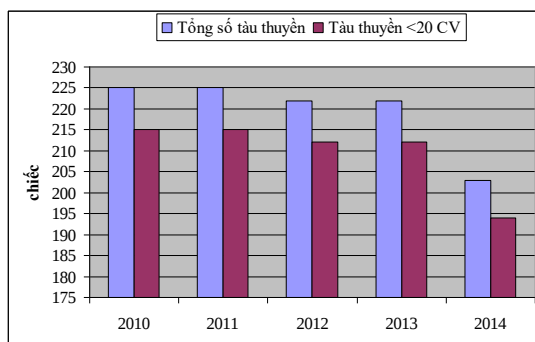
| Chỉ tiêu                                           | 2010 | 2011 | 2012  | 2013 | 9 tháng 2014 |
|----------------------------------------------------|------|------|-------|------|--------------|
| Tổng sản lượng (tấn)                               | 930  | 900  | 900   | 900  | 635          |
| Trong đó:<br>Sản lượng có khả năng xuất khẩu (tấn) | 550  | 609  | 645   | 660  | 495          |
| <b>Phân ra:</b>                                    |      |      |       |      |              |
| - Cá (tấn)                                         | 546  | 597  | 610.5 | 560  | 360          |
| - Tôm (tấn)                                        |      |      | 0.9   |      |              |
| - Mực (tấn)                                        | 4    | 12   |       |      |              |
| - Hải sản khác (tấn)                               |      |      | 33,6  | 100  | 135          |

(Nguồn: Phòng Kinh tế TP Hội An)

**b) Phương tiện khai thác**

Theo báo cáo của UBND xã Tân Hiệp, đến tháng 10/2014, xã Tân Hiệp – Cù Lao Chàm có tổng cộng 203 tàu thuyền KTTS với tổng công suất 2.311,5 CV. Hầu hết tàu thuyền nhỏ, khai thác ven bờ, công suất dưới 20CV chiếm 95,5 % (Hình 1).

Mặc dù số lượng phương tiện KTTS của ngư dân CLC không tăng, thậm chí giảm nhẹ nhưng công suất bình quân tăng từ 9,9CV/chiếc năm 2004 lên 11,4 CV/chiếc năm 2014. Tuy nhiên, sự biến động thể hiện ở việc giảm mạnh nhóm tàu dưới 10CV, tăng mạnh nhóm tàu (10 – <20)CV. Điều này cho thấy, mặc dù có tăng công suất tàu thuyền nhưng là vẫn gia tăng cường độ khai thác trong phạm vi ven bờ đảo.

**Hình 1.** Diễn biến tàu thuyền KTTS xã Tân Hiệp qua các năm

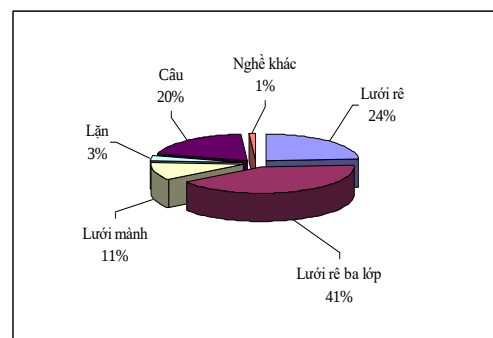
(Nguồn: Phòng Kinh tế TP Hội An)

**c) Nghề nghiệp, ngư cụ**

Cộng đồng ngư dân thuộc quần đảo Cù Lao Chàm đánh bắt hải sản chủ yếu tập trung ở vùng

nước ven bờ quanh các đảo với nhiều loại nghề (ngư cụ) khác nhau. Theo Phạm Viết Tích, nghề KTTS CLC có 05 hộ nghề chính: rê, rê 3 lớp, mảnh điện, câu và lặn bắt hải sản. Ngoài ra, còn có các nghề phụ khác như: dặt mực (câu rê), soi đèn, bắt ốc... hoạt động xen kẽ trong mùa phụ. Nghề lưới rê (bao gồm cả rê ba lớp) chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 180 phương tiện, tiếp đến là nghề câu (câu tay cá, câu mực...) và nghề lưới mảnh tương ứng với tổng số có 55 và 31 phương tiện. Bên cạnh đó, một số lượng nhỏ tàu thuyền làm nghề lặn (7 chiếc) và các nghề khác (3 chiếc).

Có thể thấy, nghề lưới rê là nghề chiếm ưu thế về số lượng trong cơ cấu cường lực khai thác của CLC. Đây cũng là nghề đa dạng kích thước mắt lưới cũng như đối tượng khai thác. Lưới rê ba lớp được ngư dân sử dụng khá phổ biến (41 % tổng số phương tiện), đây là loại nghề đánh bắt được nhiều đối tượng khác nhau (tôm, cua, cá lớn, mực...) (Hình 2).

**Hình 2.** Cơ cấu nghề khai thác thủy sản tại xã Tân Hiệp

(Nguồn: Nguyễn Văn Vũ, 2011)

+ Các ngư cụ chủ lực đều hoạt động ở tầng đáy, lân cận và thậm chí trên các rạn san hô. Đồng thời, nghề lặn ở CLC là nghề truyền thống, ngày càng hiện đại và tăng cường hơn trên các vùng lõi của KBTB. Hậu quả là khai thác “kiệt”, thiếu chọn lọc, đánh bắt cả các loài thủy sản trong thời gian cấm khai thác (1/4 đến 31/7) [Bộ NN-PTNT] như tôm hùm, điệp rẻ quạt, bần mai, trai tai tượng... làm gãy, vỡ san hô, hủy hoại môi trường sống của các loài thủy sản...

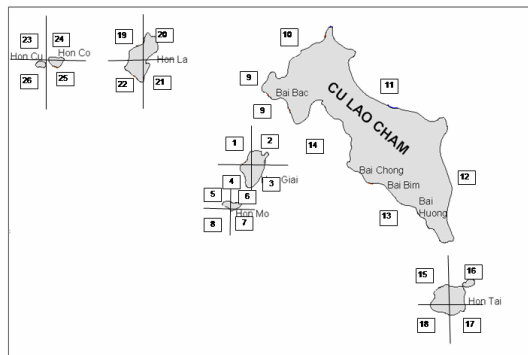
+ Nghề câu tay, câu cá giải trí tăng theo sự phát triển du lịch cũng là những mối đe dọa đến ĐDSH, NLTS ở các vùng lõi và phục hồi sinh thái ở đây.

#### d) Ngư trường khai thác

Ngư trường của ngư dân Cù Lao Chàm tập trung xung quanh các đảo, rất gần bờ, vị trí đánh bắt được ký hiệu bằng số từ 1 đến 26 như Hình 3.

Kết quả thống kê vị trí đánh bắt của ngư dân CLC cho thấy, số lượt phương tiện tham gia khai

thác ở vùng nước sát bờ ( $\leq 50m$ ) và gần bờ ( $>50 - 300m$ ) là khá lớn (49/360 và 176/360 lượt chiếc).

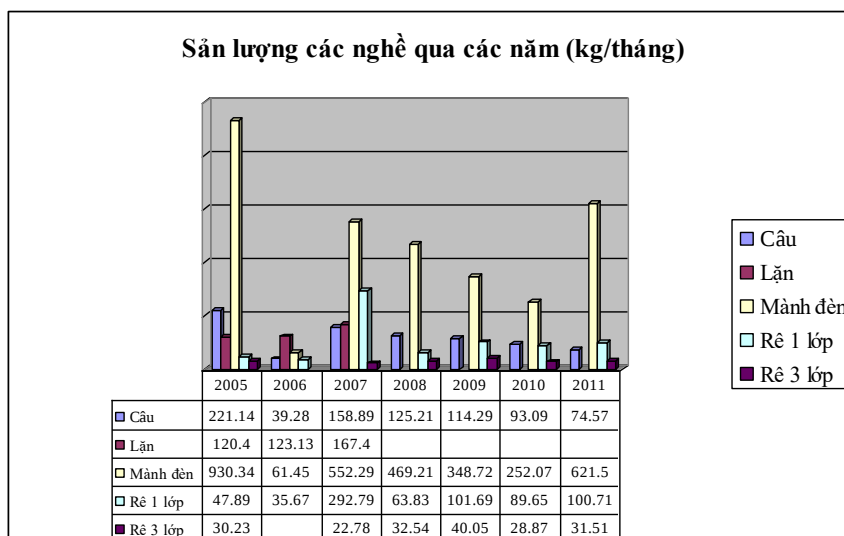


**Hình 3.** Sơ đồ phân bố ngư trường KTTS của ngư dân Cù Lao Chàm

(Nguồn: Phạm Viết Tích, 2007)

#### e) Năng suất khai thác

Năng suất khai thác (CPUE) được xem là một trong những chỉ số quan trọng cho đánh giá nguồn lợi hải sản nói chung. Năng suất và sản lượng khai thác của một số nghề chủ yếu vùng biển Cù Lao Chàm thể hiện ở Hình 4.



**Hình 4.** Diễn biến sản lượng các nghề từ 2005-2011

(Nguồn: [7])

Năng suất đánh bắt trung bình của hầu hết các nghề quan trọng đều thể hiện xu hướng tăng trong giai đoạn 2006 – 2010. Nhìn chung, các nghề lưới khác thuộc nhóm lưới rê thể hiện xu thế

tăng nhẹ hoặc ổn định năng suất đánh bắt [10].

### 3.2. Hiện trạng khai thác thủy sản vùng cửa sông Thu Bồn

### 3.2.1. Đối tượng và sản lượng khai thác

#### a) Đối tượng khai thác

Nguồn lợi khai thác chính ở vùng cửa sông Thu Bồn là cá, tôm, cua, ghẹ, ốc còng, hến, sò, ngao, xá sùng, rong câu,... Một trong những nguồn lợi đang được người dân ở vùng cửa sông Thu Bồn rất quan tâm, đó là nguồn con giống cá Mú, cá Dìa, cá Hồng. Đây là những con giống đang được thị trường trong và ngoài tỉnh rất cần, phục vụ cho các vùng nuôi chuyên canh.

Kết quả khảo sát của Đoàn Thị Tâm (2011) cho thấy đối tượng đánh bắt ở vùng cửa sông Thu Bồn khá đa dạng:

- Nhóm Cá: cá Cơm trắng, cá Liệt gàu, cá Liệt ngang, cá Trảnh, cá Móm bạc, cá Móm xương, cá Đồi lá, cá Đồi đất, cá Dìa, cá Mòi, cá Bống ghim, cá Căng, cá Dồi trường, cá Hồng, cá Mú, cá Nâu, cá Vược, cá Chai, cá Sơn, cá Kinh, cá De, lươn, cá Nganh.

Kết quả khảo sát này cũng phù hợp với Nguyễn Hữu Đại (2008), khi cho rằng, vùng cửa sông Thu Bồn có các loài cá có giá trị kinh tế thuộc các họ cá Đồi, cá Dìa, cá Liệt, cá Ông Cắn, cá Bống, cá Hồng, cá Mú, cá rô phi,... trong đó nguồn lợi cá Đồi quan trọng nhất, sau đó là cá Dìa, cá Liệt.

- Nhóm giáp xác gồm có cua Bùn, tôm Đất (Rào), tôm Rần, tôm Bạc, ghẹ.

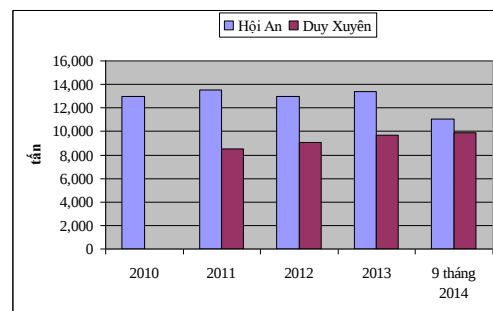
- Nhóm Thân mềm có hến, ốc Lát, ốc Hương, ốc Đá, vọp đá, vọp dừa, hầu đá, hầu dừa.

Sự gia tăng giá bán một số loài cá cũng như

ngày càng nhiều các ngư dân dùng các dụng cụ đánh bắt hủy diệt (như lưới bát quái) đã làm sản lượng đánh bắt giảm đi đáng kể. Điều này cũng phù hợp khi phỏng vấn người dân ở Cẩm Thanh, đa phần đều cho rằng nguồn lợi thủy sản đang bị suy giảm, cá Đồi, cá Mú, cá Dìa cũng cạn kiệt dần.

#### b) Sản lượng khai thác

Theo số liệu của Phòng Kinh tế thành phố Hội An, sản lượng khai thác thủy sản những năm qua có xu hướng giảm. Nếu như năm 2011, sản lượng khai thác đạt 13.500 tấn thì đến năm 2013 giảm còn 13.400 tấn (Hình 5).



**Hình 5.** Diễn biến sản lượng khai thác thủy sản thành phố Hội An và huyện Duy Xuyên qua các năm

(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Hội An và huyện Duy Xuyên)

### 3.2.2. Phương tiện khai thác

Những năm gần đây, tàu thuyền đánh bắt thủy sản tại thành phố Hội An có xu hướng giảm, tuy nhiên số lượng tàu thuyền có công suất < 20 CV vẫn còn khá lớn, chiếm 78,4% tổng số tàu thuyền.

**Bảng 2.** Số lượng tàu thuyền KTTS thành phố Hội An qua các năm (chiếc)

| Năm                   | 2010  | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 |
|-----------------------|-------|------|------|------|------|
| Tổng số (chiếc)       | 1.006 | 940  | 904  | 887  | 844  |
| <b>Trong đó:</b>      |       |      |      |      |      |
| - Tàu cá biển (chiếc) | 802   | 740  | 712  | 695  | 695  |
| - Tàu thuyền < 20 CV  | 789   | 729  | 687  | 670  |      |

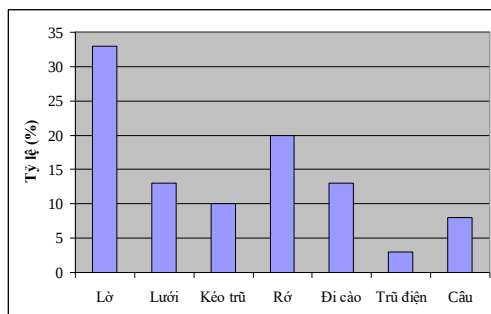
(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Hội An)

Do có công suất nhỏ nên các loại phương tiện này tập trung đánh bắt ven bờ với một số nghề

bắt lợi cho NLTS như pha xúc, vây mùng, mảnh mùng, lưới quét (rê đáy kích thước lớn) đã gây ảnh

hưởng nặng nề đến cảnh quan nền đáy, thảm cỏ biển, NLTS...

Theo Đoàn Thị Tâm (2011), trên vùng rừng dừa ngập mặn có khá nhiều nghề khai thác thủy sản hoạt động như đặt lờ, lưới 3 lớp, cào (bằng tay), trũ điện, câu (Hình 6).



**Hình 6.** Cơ cấu nghề khai thác thủy sản ở vùng cửa sông Thu Bồn

(Nguồn: Đoàn Thị Tâm, 2011)

Theo thống kê của UBND xã Cẩm Thanh, năm 2011, trên toàn xã có khoảng 200 hộ làm nghề khai thác thủy hải sản trên sông chủ yếu bằng các phương tiện như trũ, lưới, lờ đáy, lưới bén, soi,... tập trung ở các thôn Thanh Tam Tây, Thanh Tam Đông, Vạn Lăng, Cồn Nhân [4]. Các loài thủy hải sản đánh bắt được chủ yếu là cá, tôm, ốc, cua. Thu nhập bình quân của một gia đình làm nghề này trung bình 50.000-100.000 đồng/ngày.

Kết quả thăm dò ý kiến qua ngư dân của Phòng kinh tế Hội an năm 2014 cho thấy hiện nay do lợi ích kinh tế trước mắt và ý thức của một số bà con, vẫn còn nhiều hộ sử dụng các phương tiện đánh bắt mang tính hủy diệt như lờ với kích cỡ nhỏ, trũ điện, lưới điện, xung điện,... làm cho tôm cua, cá, không thể sinh sôi kịp, nguồn tài nguyên thủy sản vì thế cũng cạn kiệt dần. Một nguyên nhân không thể không nhắc đến đó là vấn đề ô nhiễm môi trường từ các hồ nuôi tôm, của các nhà hàng, khách sạn,... cũng tác động không nhỏ đến nguồn tài nguyên thiên nhiên nơi đây.

#### **4. Hiện trạng nghề khai thác thủy sản ở Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn**

##### **4.1. Phân tích các bất cập trong khai thác và quản lý nghề cá hiện nay tại vùng biển Cù Lao**

#### **Chàm và cửa sông Thu Bồn**

Quảng Nam có điều kiện thuận lợi để phát triển nghề đánh bắt thủy sản. Với mục tiêu chuyển dần từ khai thác thủy sản ven bờ sang khai thác vùng khơi, những năm qua, ngành nông nghiệp Quảng Nam đã tập trung chỉ đạo tổ chức khai thác thủy sản theo hướng thành lập các tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển với số lượng trên 120 tổ, đội đoàn kết với 8.000 lao động trong 873 tàu cá, đồng thời đã tích cực đưa các mô hình công nghệ mới áp dụng cho tàu khai thác xa bờ như: công nghệ lưới chụp cá mực bốn tầng gông khai thác mực đại dương ở vùng biển xa bờ, chuyển đổi nghề vẩy rút chì sang câu cá mực đại dương...

Cùng với việc thành lập các tổ đội sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nghề khai thác, ngành nông nghiệp còn đẩy mạnh việc đào tạo cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng cho các chủ phương tiện tàu thuyền; thông tin, dự báo ngư trường, nguồn lợi; đầu tư đóng mới tàu thuyền, nâng công suất và du nhập một số nghề mới, ứng dụng một số trang thiết bị hàng hải như máy định vị, máy dò cá... Tuy nhiên, với tỷ lệ tàu thuyền có công suất dưới 20 CV còn cao, khai thác thủy sản ven bờ là chủ yếu nên đã tạo áp lực rất lớn đến nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái ven bờ.

Những năm qua đã có nhiều chương trình, dự án về phát triển nghề cá bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái (rạn san hô, rừng ngập mặn, cỏ biển...) được triển khai tại Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn.

Nhằm tạo điều kiện cho các hộ khai thác thủy sản bị ảnh hưởng bởi công tác khoanh vùng bảo tồn biển, Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm cũng đã tổ chức cho 23 thanh niên học trung cấp nghiệp vụ du lịch, và triển khai nhiều chương trình về sinh kế để chuyển đổi nghề nghiệp khai thác thủy sản, nâng cao thu nhập cho người dân tại xã đảo.

Tại vùng cửa sông Thu Bồn, những năm qua Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh (KT&BV NLTS) đều tổ chức các lớp tập huấn về công tác bảo vệ NLTS cho ngư dân địa phương. Một số dự án, chương trình nghiên cứu về bảo tồn

đa dạng sinh học, hệ sinh thái vùng cửa sông cũng đã được triển khai. Mục tiêu chung của các dự án là nâng cao nhận thức, năng lực quản lý của cộng đồng và các bên liên quan trong việc giảm thiểu những tác động bất lợi (từ khai thác, nuôi trồng thủy sản...) đến hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản ở vùng cửa sông Thu Bồn [3].

Mặc dầu đã có nhiều sự tác động nhưng công tác quản lý nghề khai thác thủy sản ở Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn vẫn còn nhiều khó khăn, thể hiện ở những vấn đề sau:

- Phương tiện đánh bắt nhỏ với nhiều nghề không phù hợp như rê 3 lớp, rê đáy, lặn bắt hải sản, lưới kéo đáy (giã cào), vây ánh sáng, nghề te, trũ điện. Trong đó, nghề lưới kéo đặc biệt nguy hại đến nền đáy, hủy diệt nguồn lợi thủy sản. Những năm gần đây, nghề lờ Trung Quốc xuất hiện với kích thước mắt lưới nhỏ cũng làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản vùng cửa sông.

Những tác động trên đã tạo ra những dấu hiệu cảnh báo về suy thoái đa dạng sinh học, suy giảm NLTS thể hiện ở các khía cạnh sau:

- + Độ phủ trung bình của san hô sống giảm, các nhóm cá thương phẩm, kích thước lớn cả bên ngoài và bên trong vùng lõi thuộc Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm mật độ có xu hướng giảm.

- + Sản lượng từ 2004 – 2013 của ngư dân CLC liên tục giảm qua các năm, từ 1.705 tấn năm 2004 (*bình quân 5,61 tấn/ chiếc*) giảm xuống 900 tấn năm 2013 (*bình quân 4,05 tấn/ chiếc*).

- + Kích thước của một số đối tượng khai thác chủ yếu cũng có xu hướng giảm.

- + Sản lượng thủy sản vùng cửa sông giảm dần dẫn đến tình trạng giá bán sản phẩm tăng cao.

- + Hệ sinh thái rừng dừa ngập mặn, thảm cỏ biển bị thu hẹp do người dân nhổ cây non (dừa ngập mặn) hay cào, bới (trên thảm cỏ biển) để khai thác con giống (Nguyễn Hữu Đại, 2008).

- Tình trạng khai thác thủy sản trái phép vẫn còn xảy ra (Báo cáo của Phòng Kinh tế Hội An).

- Vấn đề chuyển đổi cơ cấu nghề còn gặp nhiều khó khăn, việc đóng tàu có công suất lớn

hơn không chỉ đòi hỏi đầu tư về tài chính mà còn vấn đề kỹ thuật sử dụng, tập quán “tối đi sáng về” của ngư dân và ngư trường.

- Lực lượng lao động nghề cá bị thiếu hụt nghiêm trọng cũng là một cản trở cho việc đầu tư đánh bắt xa khơi.

- Hậu cần nghề cá chưa được quan tâm, sản phẩm khai thác chủ yếu được bán cho các tàu thu mua trực tiếp trên biển hoặc bán cho đầu nậu tại địa phương. Việc vay vốn ngân hàng đầu tư nâng cấp tàu thuyền, ngư cụ còn gặp khó khăn.

- Dịch vụ du lịch phát triển, nhu cầu về con giống cho nuôi trồng thủy sản biển cũng là nguyên nhân gây áp lực lên nguồn lợi thủy sản tại Cù Lao Chàm và vùng cửa sông Thu Bồn.

#### **4.2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn lợi**

Cần có những định hướng và giải pháp cụ thể cho lĩnh vực khai thác thủy sản, trong đó tập trung vào một số giải pháp chính, như phát triển đội tàu khai thác xa bờ, chuyển dần lực lượng tàu thuyền khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác thủy sản.

Cùng với việc tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức; các cơ quan chức năng cũng cần nghiêm khắc xử lý các trường hợp sử dụng phương tiện hủy diệt để khai thác thủy sản, gây ô nhiễm môi trường thủy vực.

Tập trung phát triển các nghề đem lại hiệu quả kinh tế cao như lưới vây, câu mực khơi, chụp mực, giảm dần các nghề giã cào.

#### **5. Kết luận và kiến nghị**

- Vùng biển ven bờ Quảng Nam là nơi tập trung cư dân nghèo, hành nghề sông nước, khai thác các loại thủy sản ven bờ để mưu sinh bằng các nghề thủ công, phương tiện nhỏ bé do đó đã tạo áp lực rất lớn lên nguồn lợi thủy sản và môi trường.

- Mặc dầu những năm qua, các ngành, các cấp của tỉnh Quảng Nam đã có nhiều chủ trương, giải pháp để chuyển đổi nghề nghiệp nhằm hạn chế tình trạng suy giảm nguồn lợi, môi trường;

nhưng hiện trạng chưa được cải thiện nhiều. Bên cạnh đó, các hoạt động du lịch cũng chính là một trong những áp lực lớn tác động đến nguồn lợi thủy sản.

- Để nghề khai thác thủy sản ở vùng biển ven bờ Quảng Nam phát triển bền vững, cần tập trung vào một số giải pháp chính, như giảm dần lực lượng tàu thuyền khai thác ven bờ, phát triển đội tàu khai thác xa bờ, trong đó cần lưu tâm đến

việc chuyển đổi nghề nghiệp cho các tàu khai thác ven bờ kém hiệu quả, khai thác nhỏ sang nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác thủy sản.

- Cùng với việc tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức; các cơ quan chức năng cũng cần nghiêm khắc xử lý các trường hợp sử dụng phương tiện hủy diệt để khai thác thủy sản, gây ô nhiễm môi trường thủy vực.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hữu Đại (2007), *Đánh giá hiện trạng tài nguyên đất ngập nước (chủ yếu là dừa nước) ở hạ lưu sông Thu Bồn (Quảng Nam) và các giải pháp quản lý, bảo vệ, phục hồi, Hợp phần LMPA.*
- [2] Trịnh Thế Hiếu (2008), *Tài nguyên đất ngập nước ven biển Quảng Nam - Hiện trạng khai thác, sử dụng.*
- [3] Võ Quảng Lâm (2011), *Báo cáo hoạt động của Nhóm phục hồi sinh thái rừng dừa nước Cẩm Thanh thuộc Dự án VN/SGP/UNEP-SCS/09/02 (Phục hồi và bảo tồn rừng dừa nước Cẩm Thanh phục vụ du lịch sinh thái và phát triển bền vững).*
- [4] Nguyễn Thị Hòa Mẫn (2011), *Báo cáo hoạt động của Nhóm sinh kế thuộc Dự án VN/SGP/UNEP-SCS/09/02.*
- [5] Đoàn Thị Tâm, Chu Mạnh Trinh (2011), *Khai thác thủy sản tại khu vực rừng dừa nước Cẩm Thanh, Khoa Công nghệ môi trường, trường Đại học Đức Trí.*
- [6] Phạm Viết Tích (2007), “Khảo sát, đánh giá và đề xuất các giải pháp bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển Quảng Nam”, *đề tài cấp Tỉnh KC.08.07.*
- [7] Nguyễn Văn Vũ (2011), *Nghề cá Cù Lao Chàm qua số liệu logbook, Hợp phần LMPA.*
- [8] BQL Khu bảo tồn biển Cù lao Chàm (2013), *Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, giai đoạn 2009 - 2013.*
- [9] Phòng Kinh tế TP Hội An (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 2010 – 2014.*
- [10] Viện nghiên cứu hải sản (2010), “Hiện trạng nghề cá ở Cù Lao Chàm, những lợi thế và thách thức trước mắt”, *Bản tin Khoa học* (Số 15, tháng 1/2010).